

Số: 53/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 07 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 397; Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 51, 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 252/2026/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Nguyễn Phương T, sinh năm 2002;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/01/2025 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh chị bình thường, đến khoảng đầu tháng 5/2025 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, kinh tế vợ chồng không có sự thống nhất, kinh tế của ai làm ra tự quản lý, tự chi tiêu khiến vợ chồng không có mục đích sống chung, dần dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Khoảng tháng 02/2026, anh S và chị T quyết định sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Đến nay, anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn, yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị theo quy định của pháp luật.

[2] *Về con chung*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S đều xác định, vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S đều xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận, chị T tự nguyện nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc thỏa thuận các vấn đề trong vụ việc của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 29/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

**1.1.** *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

**1.2.** *Về con chung*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S đều xác định, vợ chồng anh chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**1.3.** *Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S đều xác định, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** *Về lệ phí Tòa án*: Chị Nguyễn Phương T và anh Nguyễn Văn S thỏa thuận, chị T tự nguyện nhận chịu toàn bộ 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí sơ thẩm việc hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0002024 ngày 20/4/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Q, GCNKH số 02/2025;
- Lưu hồ sơ.

#### **THẨM PHÁN**

**Đã ký**

**Bùi Mạnh Quyền**

